TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 556/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-09-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10, Thành phố H: Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 07 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 385/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 381/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Hồng N, sinh năm: 1980

Địa chỉ: A5/159A, Ấp 1, xã T (huyện BC cũ), Thành phố H. (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn*:* Ông Tạ Văn G, sinh năm: 1984

Địa chỉ: 39 Đường 2C, Ấp 6, xã T (huyện BC cũ), Thành phố H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 02 năm 2025, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Hồng N trình bày:

Bà và ông Tạ Văn G kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 141/TP-HT, Quyển số 141 ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh C cấp. Quá trình chung sống, bà và ông có 01 con chung tên Tạ Huỳnh Quốc A, sinh ngày 12/06/2018, hiện cháu Anh đang sống với bà. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không phù hợp, mặc dù hai bên đã cố gắng hòa hợp nhưng không thành, thực tế ông G đã bỏ nhà đi sống riêng và hai vợ chồng đã ly thân hơn 1 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống riêng làm ăn nuôi con.

Về con chung: Có 01 chung là Tạ Huỳnh Quốc A, sinh ngày 12/06/2018 nay ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

- *Bị đơn ông Tạ Văn G:* Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt triệu tập ông G nhưng ông không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết xét xử vắng mặt ông G theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà Huỳnh Hồng N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn ông Tạ Văn G, giữ nguyên các yêu cầu về tài sản chung và nợ chung.

- Bị đơn ông Tạ Văn G vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, Thành phố H phát biểu: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

- Xét nguyên đơn bà Huỳnh Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tạ Văn G. Yêu cầu này được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh từ Điều 51 đến Điều 58.

- Xét bị đơn ông Tạ Văn G, hiện có địa chỉ cư trú tại : 39 đường 2C, Ấp 6, xã T, (huyện BC cũ), Thành phố H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố H.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- Xét yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Hồng N được quy định tại các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nhiên và ông G có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 141/TP-HT, Quyển số 141 ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh C cấp nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xét việc nguyên đơn bà Huỳnh Hồng N đã có bản khai trình bày ý kiến yêu cầu ly hôn và nuôi con, có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228, 254 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử đủ cơ sở tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Xét yêu cầu của bà Huỳnh Hồng N về việc yêu cầu ly hôn với ông Tạ Văn G là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện và phần trình bày của bà Huỳnh Hồng N tại bản tự khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhận thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà Nhiên và ông G đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp, thực tế hai vợ chồng đã ly thân được một thời gian dài. Mặc khác, trong quá quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông G vẫn không đến Tòa án, chứng tỏ không còn quan tâm hòa giải vợ chồng nên yêu cầu ly hôn của bà Nhiên là có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 53, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét về con chung: Có 01 con chung tên Tạ Huỳnh Quốc A, sinh ngày 12/06/2018, hiện đang sống với mẹ là bà Nhiên, nay ly hôn bà Nhiên yêu cầu tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà giải quyết

- Về nợ chung: Bà Nhiên xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

[3.3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Huỳnh Hồng N phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002041, ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, Thành phố H phát biểu: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 254, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 73, 82, 83, 84 và Điều 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Hồng N được ly hôn với ông Tạ Văn G. Giấy chứng nhận kết hôn số 141 ngày 26 tháng 11 năm 2018 do Ủy ban nhân dân xã Đ (huyện N cũ), tỉnh C cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Tạ Huỳnh Quốc A, sinh ngày 12/06/2018. Giao trẻ A cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con của bà Nhiên.

- Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Huỳnh Hồng N tự nguyên nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002041, ngày 07 tháng 07 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, Thành phố H.

- Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Hồng N và ông Tạ Văn G vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi Nhận:
- TAND TP.H
- VKSND KV10;
- UBND xã Đ;
- PTHADS KV10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

2 000017 409207

Lại Phước Trường